TÒA ÁN NHÂN DÂN TP V TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST Ngày: 31/05/2023 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH B

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Hà Văn Trường

*Thư ký phiên tòa***:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố E tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 42A/QĐST-HPT ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị B, Sinh năm 1984

Địa chỉ: 1013 chung cư C, Trung tâm đô thị D, phường 10, thành phố E, tỉnh A. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Ông Trần Đình Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: 1013 chung cư C, Trung tâm đô thị D, phường 10, thành phố E, tỉnh A. (vắng mặt xét xử lần 2 không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 03 năm 2023 và quá trình làm việc tại tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị B trình bày:

Bà B và ông Đ tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh A. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông Đ thường xuyên có hành vi bạo lực, đánh đập bà B. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống

của nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Đình Đ.

Về con chung: có 2 con chung là Trần Đình Hoàng L, sinh ngày 31/01/2009 và cháu Trần Đình Hoàng V, sinh ngày 31/3/2011. Bà B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Đình Đ vắng mặt nhiều lần làm việc, các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử không lý do chính đáng.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng các quy định pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị B đối với ông Trần Đình Đ.

Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị B được ly hôn với ông Trần Đình Đ

Về con chung: 02 (hai) con chung là Cháu Trần Đình Hoàng L, sinh ngày 31/01/2009 và cháu Trần Đình Hoàng V, sinh ngày 31/3/2011. Xét thấy, các con có nguyện vọng được ở với mẹ, trên thực tế hiện nay các cháu đang sống cùng với mẹ, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ không thể hiện nguyện vọng nuôi con. Do đó, nhằm không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên đề nghị giao các con cho bà B nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà B không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố E, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 06-03-2023 bà Trịnh Thị B có đơn khởi kiện ông Trần Đình Đ về việc xin ly hôn. Bà B và ông Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố E, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc "ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân TP.E.

Tại phiên tòa hôm nay, bà B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Đ nhiều lần vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B ,ông Đ theo khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà B và ông Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh A, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau, bà B cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông Đ thường xuyên có hành vi bạo lực, đáng đập bà và không có trách nhiệm với gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi bà Hằng và Truyền sinh sống được biết vợ chồng bà B sinh sống tại địa chỉ 1013 chung cư C, Trung tâm đô thị D, phường 10, thành phố E, tỉnh A. Trong quá trình sinh sống tại đây, vợ chồng ông Đ và Bà B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Đ thường xuyên đánh đập bà B. Chính quyền địa phương đã nhiều lần can thiệp, khuyên ngăn nhưng không được. Việc Ông Đ thường xuyên đánh đuổi bà B cũng làm ảnh hưởng tinh thần của các con. Các cháu hiện đang sống với mẹ và được mẹ chăm sóc tốt.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho ông Đ trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để Hội đồng xét xử xem xét nhưng ông Đ không thể hiện thiện chí đoàn tụ hàn gắn gia đình, đã tự tước bỏ quyền lợi của mình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông Đ là có thật; Vợ chồng không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn gia đình, mỗi người sống cho cá nhân của mình không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng yêu cầu xin ly hôn của bà B đối với ông Đ là có cơ sở nên chấp nhận

[2.2]. Về con chung: 02 (hai) con chung là Cháu Trần Đình Hoàng L, sinh ngày 31/01/2009 và cháu Trần Đình Hoàng V, sinh ngày 31/3/2011. Xét thấy, trên thực tế hiện nay bà B là người trực tiếp chăm sóc con; các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ nhiều lần vắng mặt

và không thể hiện nguyện vọng về con chung. Vì vậy, nhằm không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao cả hai con chung cho bà B nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà B không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5].Về án phí: Bà B phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị B

Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị B được ly hôn với ông Trần Đình Đ.

Về con chung: có 2 (hai) con chung Cháu Trần Đình Hoàng L, sinh ngày 31/01/2009 và cháu Trần Đình Hoàng V, sinh ngày 31/3/2011. Bà Trịnh Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung Trần Đình Hoàng L và cháu Trần Đình Hoàng V. Bà B không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Trịnh Thị B phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003920 ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố E. Bà B đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh A xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPVT;
- Chi cục THADS TPVT;
- TAND tỉnh A;
- UBND xã K;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG